

biện pháp tăng cường kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn vi phạm, tại gốc nơi có rừng, trong khâu lưu thông phân phối và xử lý kiên quyết mọi hành vi vi phạm; tội phạm trong lĩnh vực quản lý vật tư gỗ, theo đúng pháp luật hiện hành.

Cục Kiểm lâm nhân dân, Vụ Công nghiệp rừng, Ban Thanh tra có trách nhiệm phối hợp chỉ đạo, theo dõi, lồng hợp tình hình thực hiện Chỉ thị trong phạm vi cả nước và trong từng thời gian (3 tháng một lần) đề báo cáo Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp.

K.T. Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp

Thứ trưởng

PHAN THANH XUÂN

THÔNG TƯ của Bộ Lâm nghiệp số 14-CNR ngày 17-4-1986 hướng dẫn các quy định về liên kết kinh tế trong ngành lâm nghiệp.

Hiện nay, yêu cầu sản xuất của khâu công nghiệp rừng rất lớn, nhưng vốn đầu tư và cơ sở vật chất kỹ thuật của các tỉnh có rừng lại có hạn. Bộ Lâm nghiệp vừa ban hành Chỉ thị số 10-LN/KL ngày 12-4-1986 về việc chấn chỉnh tăng cường quản lý trong khâu khai thác gỗ.

Dưới đây là nội dung hướng dẫn các quy định về liên kết kinh tế trong ngành Lâm nghiệp.

1. Các đơn vị bên A (bao gồm các Sở Lâm nghiệp, các liên hiệp lâm—nông—công nghiệp, các lâm trường quốc doanh ở tỉnh có rừng) nếu không đủ năng lực kinh doanh khai thác và xây dựng cơ bản thì được phép liên kết kinh tế với các đơn vị bên

B của các tỉnh không có rừng nhưng lại có năng lực tham gia kinh doanh khai thác rừng và xây dựng cơ bản.

2. Đơn vị bên B phải là các tổ chức của ngành Lâm nghiệp ở các tỉnh xin liên kết như Sở Lâm nghiệp hoặc Công ty lâm sản được Sở Lâm nghiệp ủy nhiệm.

3. Hai bên A và B phải trao đổi hiệp thương thống nhất khối lượng kế hoạch liên kết sản xuất hàng năm trình Bộ Lâm nghiệp và Ủy ban Nhân dân tỉnh có rừng xét duyệt. Căn cứ vào kế hoạch đã được xét duyệt trên, hai bên A, B phải ký kết hợp đồng kinh tế cụ thể trước khi tiến hành sản xuất.

4. Đơn vị bên B phải nghiêm chỉnh chấp hành các chế độ, thể lệ khai thác của ngành Lâm nghiệp (rừng phải được bài cây, thiết kế trước khi tiến hành sản xuất; khai thác đúng quy trình,...). Đơn vị bên A có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chấp hành quy trình khai thác và thực hiện tốt việc nghiệm thu rừng, nghiệm thu sản phẩm.

5. Đơn vị bên B phải cam kết việc tổ chức lực lượng khai thác (lao động, phương tiện, thiết bị, vật tư, nhiên liệu cần thiết...) từ địa phương mình lên tham gia khai thác không được thuê mướn lao động; mua, thuê phương tiện vật tư, nhiên liệu tại nơi khai thác làm xáo trộn kế hoạch của địa phương.

6. Toàn bộ sản phẩm bên B khai thác ra đều phải giao cho bên A. Bên A sẽ định giá trị công đầu tư của bên B làm ra sản phẩm và thanh toán giá trị trên cho bên B bằng sản phẩm gỗ tương ứng theo giá quy định của Nhà nước.

7. Căn cứ vào hợp đồng liên kết kinh tế của bên A và B, Chi cục kiểm lâm nhân dân tỉnh có rừng cấp giấy phép cho bên B được chuyển số gỗ tương ứng với giá trị số công được thanh toán mang về

tính có lực lượng liên kết sử dụng dưới sự giám sát của Ủy ban Nhân dân và Sở Lâm nghiệp của tỉnh đó.

Về nguyên tắc gỗ liên kết khai thác năm nào phải vận chuyển hết năm đó. Tuy nhiên, do đặc điểm của khai thác hiện nay thường tập trung vào quý IV hàng năm nên cho phép vận chuyển khối lượng gỗ liên kết năm trước kéo dài hết quý I năm sau. Hết thời hạn đó, số gỗ không vận chuyển hết sẽ bị trưng mua theo khối lượng và chất lượng thực tế nhập kho Nhà nước.

8. Các Sở Lâm nghiệp địa phương có rừng tổ chức theo dõi, giám sát việc thực hiện liên kết kinh tế trên và thống kê khối lượng gỗ do lực lượng liên kết kinh tế khai thác ra, khối lượng họ được phép chuyên đi tổng hợp báo cáo lên Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ Lâm nghiệp.

K.T. Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp

Thủ trưởng

PHAN THANH XUÂN

TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

QUYẾT ĐỊNH của Tổng cục trưởng
Tổng cục Bưu điện số 433-QĐ
ngày 8-5-1986 về mức bồi
thường bưu phẩm ghi số, bưu
kiện bị mất, bị hư hỏng.

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Tổng cục Bưu điện ban hành kèm theo Nghị định số 68-CP ngày 8-4-1975 và Nghị định số 390-CP ngày 2-11-1979 của Hội đồng Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ gửi, nhận, chuyển, phát bưu phẩm, bưu kiện ban hành kèm theo Nghị định số 91-CP ngày 2-5-1973 của Hội đồng Chính phủ;

Căn cứ công ước liên minh bưu chính thế giới và Hiệp định bưu kiện thế giới;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bưu chính và phát hành báo chí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định mức bồi thường tối đa cho mỗi bưu phẩm ghi số, bưu kiện trong nước và ngoài nước bị mất, suy suyền hoặc hư hỏng (trừ trường hợp bất khả kháng).

Những bưu phẩm ghi số, bưu kiện gửi từ Việt Nam ra nước ngoài bị mất trong lãnh thổ Việt Nam được áp dụng mức bồi thường như bưu phẩm, bưu kiện trong nước và hoàn lại cước của đoạn đường chưa sử dụng.

Những bưu phẩm ghi số, bưu kiện gửi từ nước ngoài đến Việt Nam bị mất trong lãnh thổ Việt Nam và những bưu phẩm, bưu kiện gửi từ Việt Nam bị mất ngoài lãnh thổ Việt Nam được bồi thường theo mức ngoài nước.

Điều 2. — Bưu kiện trong nước bị mất bị hư hỏng hoàn toàn, bưu điện hoàn lại cước phí cả cước chính và cước phụ, nếu có.

Điều 3. — Quyết định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 6 năm 1986.

Các quyết định trước đây trái với Quyết định này đều được bãi bỏ.

Điều 4. — Các Chánh văn phòng, Vụ trưởng các Vụ bưu chính và phát hành báo chí, Vụ tài chính kế toán thống kê, Giám đốc Bưu điện các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương thi hành Quyết định này.

K.T. Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện

Phó tổng cục trưởng

LÊ ĐỨC NIÊM